

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 8 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Bà Cao Thị Lệ Pha

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Kha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông Châu Hoa Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị N, sinh năm 1985; địa chỉ Khóm X, Phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1985; địa chỉ ấp Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Mai Thị N trình bày: Chị Mai Thị N và anh Nguyễn Thành Đ sống chung vào khoảng năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và Đ Ủy ban nhân dân xã L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống với nhau thì anh chị sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng anh chị không còn sống chung khoảng 04 năm nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại Đ và chị cũng không còn tình cảm gì với anh Đ nên chị yêu cầu Đ ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ.

Về con chung: Chị Mai Thị N và anh Nguyễn Thành Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Nhã H, sinh ngày 03/01/2012 và Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/8/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu Đ tiếp tục nuôi cháu Nhã H và giao cháu Ngọc H cho anh Đ nuôi dưỡng và không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị Mai Thị N xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập anh Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh Đ vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị N đối với anh Nguyễn Thành Đ; về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Nhã H, sinh ngày 03/01/2012 cho chị Mai Thị N tiếp tục nuôi dưỡng và giao người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/8/2008 cho anh Nguyễn Thành Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Mai Thị N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Mai Thị N yêu cầu ly hôn và yêu cầu Đ tiếp tục nuôi người con chung. Bị đơn anh Nguyễn Thành Đ, cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nên đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt các đương sự: Chị Mai Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và Đ Tòa án chấp nhận; anh Nguyễn Thành Đ đã Đ Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh Đ.

[4] Về nội dung: Chị Mai Thị N và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/9/2012. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị N và anh Đ là hợp pháp, Đ pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, không hàn gắn Đ. Mục đích hôn nhân là để tạo dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải yêu thương, quý trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống chị N và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng không hàn gắn Đ, hiện tại chị N và anh Đ không còn sống chung, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt Đ, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Đ.

[6] Về con chung: Chị Mai Thị N và anh Nguyễn Thành Đ có 02 người con chung tên Nguyễn Nhã H, sinh ngày 03/01/2012, hiện tại đang sống chung với chị N và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/8/2008, hiện tại đang sống cùng với anh Đ, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu cần tiếp tục giao người con chung tên Nguyễn Nhã H cho chị Mai Thị N tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao người con chung tên Nguyễn Ngọc H cho anh Nguyễn Thành Đ tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ và chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai Đ cản trở.

[7] Về tài sản chung và nợ: Chị Mai Thị N xác định, chị N và anh Đ tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị cũng không có nợ ai. Khi ly hôn chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Mai Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Đ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điểm a, b khoản 1 Điều 227; các điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị N đối với anh Nguyễn Thành Đ.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Nhã H, sinh ngày 03/01/2012 cho chị Mai Thị N tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao người con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 18/8/2008 cho anh Nguyễn Thành Đ tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ và chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai Đ cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Mai Thị N xác định, chị N và anh Đ tự thỏa thuận về tài sản chung, anh chị cũng không có nợ ai, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009906 ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu Đ chuyển thu án phí toàn bộ số tiền trên.

5. Bản án Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Mai Thị N và anh Nguyễn Thành Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án Đ tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án Đ niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tăng Giàu

